

Ý NGHĨA XUẤT GIA -

TAM TUỆ - TAM VÔ LẬU HỌC

Giảng tại TV Kim Sơn - Mỹ - 2000

Hôm nay, thầy Minh Đạt mời tôi nói chuyện để nhắc nhở tất cả Tăng Ni trên đường tu hành. Vì vậy buổi nói chuyện này, tôi đặt trọng tâm ở Tăng Ni. Tất cả quý vị chú ý lắng nghe để thâm nhập được những gì tôi muốn gửi gắm đến quý vị.

Tăng Ni là những người đã xuất gia, vậy ý nghĩa “xuất gia” là gì, quý vị có nhớ không? Người xuất gia nếu không biết được ý nghĩa của xuất gia thì thật là một thiếu sót quá lớn. Khi xuất gia, chúng ta luôn luôn được dạy, xuất gia có ba nghĩa:

1. Xuất thế tục gia.
2. Xuất phiền não gia.
3. Xuất tam giới gia.

Trước hết là xuất thế tục gia. Chúng ta khi phát nguyện cạo tóc xuất gia làm Sa-di, thì kể từ ngày đó phải ra khỏi nhà thế tục. Nhà thế tục là nhà cha mẹ, anh chị. Nếu người già, thì nhà của con cháu. Tại sao chúng ta phải ra khỏi nhà đó? Bởi vì còn trong nhà thế tục thì phiền não còn vậy khốn chung quanh, không thể nào gỡ được.

Thí dụ như cha mẹ, anh em làm ăn được mất, trong nhà có chuyện vui buồn, mình đều phải lãnh hết. Người này phân bua, người kia kể lể, nghe toàn những chuyện thế gian khiến tâm mình tán loạn, nên tu rất khó. Vì vậy khi xuất gia phải ra khỏi nhà thế tục, vào chùa hoặc tu viện, Thiền viện. Người phát tâm xuất gia thì phải có ý chí mạnh mẽ, ra khỏi nhà để quên hết mọi vướng mắc trói buộc trong gia đình. Như vậy mới có thể tu hạnh giải thoát được. Đó là nói người trẻ.

Người già cũng vậy. Nếu ở một bên con cháu, cứ thương mến lo lắng cho nó mãi, không còn thì giờ tu hành. Đến khi nhắm mắt ra đi, lại quyến luyến chúng nó không đi được. Thành ra khi tắt thở, tái sinh trở lại giữ con, giữ cháu nữa. Như vậy đi tu có nghĩa lý gì?

Nhiều người không biết, cứ mơ ước được xuất gia, vì nghĩ rằng cạo đầu đắp y Phật là được giải thoát. Nhưng tâm trần tục chưa cắt đứt thì làm sao giải thoát được. Cho nên nói tới xuất gia là nói tới tinh thần can đảm, cương quyết ra khỏi nhà thế tục, không còn vướng bận gì nữa. Như thế mới đúng nghĩa ý nghĩa xuất gia.

Song gần đây một số vị trách tôi: Thầy biết xuất gia là ra khỏi nhà thế tục, sao có nhiều cụ già xin xuất gia, rồi về ở với con mà thầy vẫn cho xuất gia? Thế là quý vị đâm ra nghi ngờ chắc tôi chưa thâm nhập được lý này. Thật ra tôi làm việc gì đều có mục đích, có căn cứ. Ngày xưa, thời đức Phật còn tại thế, có bà Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc chứng quả A-la-hán rồi, gặp các cô thiếu nữ mười bảy, mười tám tuổi, bà khuyên: “Các con nên đi tu, xuất gia làm Tỳ-kheo ni đi.” Các cô ấy thưa: “Thưa bà, chúng con còn tham ăn tham ngủ quá, đi tu sao được? Nếu đi tu, lỡ phạm giới chúng con đọa địa ngục chết.” Bà đáp: “Không sao, lỡ có phạm giới đọa địa ngục, hết tội lên tu nữa.” Như vậy là sao? Nghĩa là một khi gieo được hạt giống xuất gia rồi, thì dù có phạm tội phải trả, nhưng trả đền hết rồi hạt giống cũ vẫn còn, cho nên có thể gặp Phật pháp tiếp tục tu hành. Vì vậy mà bà khuyến khích gieo hạt giống xuất gia.

Ở đây cũng vậy, có những cụ già lớn tuổi, không làm gì nổi, nhưng muốn gieo hạt giống xuất gia để mai kia ra đời sớm được thức tỉnh. Tôi cũng nghĩ đến thiện căn đó mà cho xuất gia làm Sa-di. Đó là tôi vì quý vị mà gieo hạt giống lành, chớ đúng nghĩa xuất gia thì không có quyền ở nhà. Cho nên, trong một số trường hợp các cụ già tu là để gieo duyên thôi. Hiểu như vậy, quý vị mới không nghi ngờ thiện chí và việc làm của chúng tôi.

Còn người trẻ xuất gia để làm gì? Xuất gia là tu hạnh giải thoát. Tự mình tu để được giải thoát, đồng thời hướng dẫn chỉ dạy cho người khác tu cùng giải thoát nữa. Tất cả tuổi thanh xuân, bầu nhiệt huyết thời son trẻ của mình, đều dồn hết cho đạo, cho Phật pháp. Để mai kia lớn lên mình đủ tư cách lãnh đạo, hướng dẫn Phật tử tu hành. Vì vậy hàng xuất gia trẻ tuổi không được phép ở nhà nương tựa cha mẹ. Đã xuất gia rồi mà trở về nhà là một sự thối tâm, một lui sụt rất lớn. Quý vị tu trẻ không nên nghĩ đến điều đó. Đã xuất gia rồi thì phải cương quyết dù chết dù sống cũng phải đi tới cùng, chớ không thể đi một đoạn rồi lui sụt. Như vậy mình là một con người không có lý tưởng, không có lập trường, không có ý chí. Kể đó làm việc gì cũng không thành tựu.

Đó là ý nghĩa thứ nhất, xuất gia là ra khỏi nhà thế tục.

Đến ý nghĩa thứ hai là xuất phiền não gia, tức ra khỏi nhà phiền não. Tăng Ni hiện giờ xuất gia có ra khỏi nhà phiền não chưa? Người xuất gia là ra khỏi nhà phiền não. Còn phiền não thì chưa gọi là xuất gia. Bởi vì mai kia chúng ta làm thầy dạy người, hướng dẫn hậu lai, nếu mình còn đầy phiền não thì dạy ai? Cho nên người xuất gia phải gột sạch phiền não, mới chỉ dạy

cho người khác gột sạch phiền não được. Ta lấm lem mà bảo người ăn ở cho sạch thì không bao giờ người nghe ta. Ngược lại, người ta còn đặt câu hỏi: Thầy hay cô có sạch chưa mà bảo tụi con phải sạch? Chừng đó mình nói sao đây?

Ở đây tôi chỉ nói phiền não của tam độc tham sân si, quý vị đã sạch chưa? Tham sân si thôi mà cũng chưa sạch, thì nói gì những thứ vi tế hơn. Trong kinh A-hàm kể lại, một hôm đức Phật gọi các thầy Tỳ-kheo đến bảo:

- Nay các Tỳ-kheo, nếu trong thất của các ông có ba con rắn độc chui vào thì các ông có ngủ yên không?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ngủ không yên.

Phật hỏi:

- Làm sao các ông mới ngủ yên?

- Bạch Thế Tôn, chừng nào đuổi được ba con rắn độc ấy ra khỏi thất, chúng con ngủ mới yên.

Phật nói:

- Cũng vậy, ba con rắn ấy tuy độc, nhưng nó cắn chỉ chết một thân này thôi. Còn ba thứ độc tham, sân, si giết hại con người không biết bao nhiêu đời.

Tham sân si còn độc hơn cả con rắn độc. Biết thế rồi, chúng ta có dám chứa nó trong nhà nữa không. Hiện giờ quý vị đang chứa hay đuổi hết rồi? Rắn độc ở trong nhà, nhiều khi không muốn đuổi mà còn nuôi nữa chứ. Thật là trái đạo lý vô cùng. Dù chỉ một con thôi ngủ còn không yên, huống nữa là đủ ba con. Tại nó lì hay tại mình thương nó?

Có nhiều người nổi sân la lối om sòm, người khác khuyên tại sao thầy (cô) nóng quá vậy, thì liền nói: “Nó làm cái đó đáng tức quá mà, không nổi nóng sao được?” “Đáng tức” hay “đáng giận” là cho cái giận cái tức của mình là đúng. Như vậy mình dung dưỡng sân hận trong lòng, không nở đuổi đi. Đó không phải là nuôi rắn độc sao? Nếu không thương nó, khi được nhắc mình liền tỉnh: “À, tôi quên. Thôi, tôi không dám tái phạm điều đó nữa đâu.” Như vậy mới gan dạ, mới gọi là đuổi ba con rắn độc ra khỏi nhà.

Bao giờ còn tham, sân, si là chúng ta còn trần trọc, khó chịu trong lòng. Vậy tại sao không chịu đuổi nó đi. Đem hết tâm tư, đem hết sức lực cố gắng đuổi, chớ không bao giờ cười chơi khi thấy ba con rắn độc đang

nằm ngủ trong nhà. Biết có rắn độc trong nhà mà vẫn yên vui tươi cười, đó là người thông minh hay ngu muội? - Ngu muội. Bởi si mê nên chúng ta mới chứa chấp ba thứ độc. Ngày nào còn một đứa, một con trong nhà là ngày đó còn bất an, còn lo sợ.

Người tu chúng ta ngày nay thấy ai buồn ai khổ thì khuyên, miêng nói hay lấm nhưng tới phiền mình thì cũng buồn khổ như ai. Đó là điều đáng xấu hổ. Chúng ta là bậc thầy mà không có đủ tư cách, đủ khả năng để dạy dỗ cho người, đó không phải là điều tủi nhục sao? Cho nên tất cả Tăng Ni phải thấy, phải biết trách nhiệm của mình, không thể nào lơ là nuôi dưỡng phiền não dấy đầy trong tâm.

Đôi khi chúng ta còn tìm biện hộ cho cái dở của mình nữa. Khi có điều gì khiến mình nổi sân lớn tiếng, chúng ta đổ thừa: “Tại nói nhỏ họ không chịu nghe, buộc lòng phải la lớn. La lớn cho họ sợ!” Thật ra không biết đó là “buộc lòng” hay nổi nóng. Chúng ta nổi nóng, kềm không được nên la lớn tiếng, chớ có buộc lòng gì đâu. Lại còn mượn lý lẽ Bồ-tát quở phạt người là vì đại từ đại bi, nên ta cũng như vậy. Thật đáng tội.

Đức Phật dạy chúng ta bỏ tham sân si khi bản thân Ngài đã dứt sạch nó. Do đó chúng ta mới theo, mới đánh lễ Ngài. Nếu Phật còn tham sân si thì chắc chúng ta đã không theo, không đánh lễ Ngài. Trong kinh A-hàm kể lại, một hôm đức Phật đi giáo hóa vùng theo đạo Bà-la-môn, Ngài độ được dân chúng tu Phật rất đông. Thầy Bà-la-môn vùng đó mất hết bốn đạo liền nổi sân. Một hôm, ông chờ đức Phật ôm bát đi khất thực, liền theo sau chửi rủa. Ông chửi từ đầu đường tới cuối đường, mà đức Phật vẫn cứ ung dung đi, không trả lời gì hết. Tức quá, ông chặn Phật hỏi:

- Cù-đàm, Ngài có điếc không?

Phật trả lời:

- Không. Ta không điếc.

- Không điếc, tại sao tôi chửi Ngài, Ngài không trả lời?

Phật nói:

- Nếu ông có quà đem tặng người ta, người ta không nhận thì quà đó về ai?

- Nếu tôi tặng quà mà người ta không nhận thì quà đó về tôi chớ về ai.

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi ta mà ta không nhận thì có dính dáng gì đâu.

Nghe vậy, ông Bà-la-môn im lặng bỏ đi. Nhờ thế bây giờ chúng ta mới lạ Phật. Nếu khi đó Phật cự lại với ông Bà-la-môn thì ngày nay mình đâu có lạ Ngài. Chúng ta bây giờ đừng nói là chửi, chỉ nghe huynh đệ xù xì thôi là đã khó chịu, đã nghi ngờ rồi. Cho nên phải đứng lại nghe lóm xem có dính tên mình không? Nếu lỡ có dính thì biết. Như vậy có phải kiếm việc để phiền não không? Người ta không kêu tên mình, không nói thẳng mặt mình mà mình lên nghe rồi sanh sự. Thật là quá cách xa với những gì Phật dạy, quá xa với tư cách của một người xuất gia.

Người tu là người gác ra ngoài những lời nói vô nghĩa, không bận tâm những chuyện thị phi, để dồn hết tâm lực vào việc tu hành. Như vậy mới mong có ngày hết phiền não, có ngày giải thoát. Còn chúng ta dính mắc quá chừng thì làm sao hết phiền não? Phiền não không hết thì làm sao được tự tại, giải thoát? Bao nhiêu đó đủ thấy tâm nguyện của mình như thế nào rồi.

Ai xuất gia cũng đều nguyện đi trên con đường giải thoát để cứu độ chúng sanh, nhưng rốt cuộc bản thân mình chẳng giải thoát được chút nào hết. Thật đáng buồn tủi cho chúng ta, chưa xứng đáng mặc áo Như Lai.

Tôi muốn nhắc cho tất cả Tăng Ni nhớ lại bản nguyện của mình khi xuất gia, đừng để mình trở thành những kẻ tự dối và dối người. Đó là điều không tốt. Chúng ta còn đang cục cựa, lẩn lộn trong nhà phiền não, chưa ra khỏi được thì phải ăn năn sám hối, cố gắng tinh tấn vượt ra, chớ đâu thể ngồi yên trong đó mà hỉ hả qua ngày. Đã là Tăng Ni thì phải nguyện ra khỏi nhà phiền não. Được như vậy chúng ta mới thật sự xứng đáng là người xuất gia.

Không tu thì thôi, chớ đã từ bỏ cha mẹ, xa rời thân quyến, không làm các bổn phận của một người bình thường, cầu đạo xuất gia, mà không làm tròn bổn phận của người xuất gia thì có lỗi rất lớn. Lỗi với Tôn sư, với cha mẹ thân quyến, với đàn-na tín thí, với quốc gia xã tắc, quý vị không thấy sợ sao? Nên nói tới người xuất gia, Tăng Ni phải cố gắng làm tròn bản nguyện của mình.

Đó là ý nghĩa thứ hai, xuất gia là ra khỏi nhà phiền não.

Đến thứ ba là xuất tam giới gia. Nghĩa là ra khỏi nhà tam giới. Đức Phật dạy có ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Người tu chẳng những ra khỏi nhà phiền

não của Dục giới, mà ra luôn cả nhà phiền não của Sắc giới và Vô sắc giới, hoàn toàn thoát ly sanh tử, không còn đi trong tam giới nữa. Đó là xuất tam giới gia.

Nên biết ý chí của người xuất gia cao vót tột cùng, chớ không phải tầm thường. Minh tu là phải ra khỏi cả nhà tam giới, chúng ta nguyện ra khỏi tam giới để đi đến giác ngộ viên mãn. Đó là mục đích cứu kính của người tu. Như vậy con đường mình đi còn rất xa. Chúng ta phải cố gắng nỗ lực, không nên chểnh mảng xem thường. Tu là để giải thoát sanh tử, chớ không phải để đời sau được sung sướng, an nhàn. Chư Bồ-tát còn phải trải qua Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng lên tới Thập địa mới được giải thoát, huống nữa là chúng ta chưa bước được bước nào.

Các bậc Tôn túc đã ca tụng hạnh xuất gia: “Xuất gia giả, phi tướng tướng chi sở năng vi”, tức là chuyện của người xuất gia không phải tướng võ, tướng văn có thể làm được, mà đó là chuyện phi thường. Bởi chí nguyện quá lớn, con đường quá dài người ý chí tầm thường không thể đảm đương nổi. Vì vậy Tăng Ni phải lập chí thật vững mạnh, thật cương quyết. Dù khó khăn trở ngại đến đâu, cũng vững bước không dừng, không lui sụt. Đó là ý chí siêu phàm của người xuất gia.

Kế đến, tôi sẽ giải thích xuất tam giới gia, xuất phiền não gia rất phù hợp với Tam tuệ học và Tam vô lậu học.

Tam tuệ học là Văn tuệ, Tư tuệ và Tu tuệ. Văn tuệ là gì? Sau khi xuất gia rồi Tăng Ni phải học kinh điển. Nhờ học kinh điển chúng ta mới mở sáng trí tuệ. Nếu không học kinh điển thì không mở sáng trí tuệ được, vì đức Phật đã dạy: “Các người phải tự thấp đức lên mà đi. Thấp lên với chánh pháp.” Chúng ta có sẵn ngọn đuốc, nhưng chưa cháy, nếu không thể tự đốt được thì phải mỗi với ngọn đuốc chánh pháp của Phật.

Học tức là đem cây đuốc chưa cháy của mình mỗi với cây đuốc đã cháy của Phật, để cây đuốc của mình được cháy sáng. Nên muốn mở sáng trí tuệ trước phải học Phật. Nhờ học Phật chúng ta mới hiểu được lẽ thật, thấy được cái gì là hư dối, cái gì là chân thật. Đó là bước đầu của người mới vào đạo. Học trực tiếp là học với thầy, học gián tiếp là nghe những băng giảng của các vị thầy mình tin kính, đúng chánh pháp. Đó gọi là Văn tuệ.

Tư tuệ là sau khi học, chúng ta phải nghiền ngẫm nghĩa lý những gì mình đã học, không phải học như con vẹt, nghe câu nào học thuộc lòng câu đó rồi nói lại, chớ không hiểu gì hết. Chúng ta học Phật là khi nghe lời Phật dạy, phải đem hết tâm trí của mình suy nghiệm về

câu đó, xem đúng thế nào, hay chỗ nào, để mình được thấm nhuần sâu hơn. Ví dụ nghe trong kinh dạy các pháp là vô thường, mình liền suy gẫm: Các pháp là gì? Là tất cả những thứ có hình tướng, có danh tự ở thế gian. Thân này cũng là một pháp, cái bàn cũng là một pháp, cái nhà cho đến tất cả các sự vật có hình tướng ở thế gian đều là pháp. Tất cả những thứ đó đều vô thường.

Chúng ta đặt tiếp câu hỏi: Thân mình có vô thường không? Thân này mới sanh ra chỉ vài ký là cùng, dần dần nó nặng tới sáu bảy chục ký, như vậy nó có thay đổi. Tới chừng sáu bảy mươi tuổi, thì từ sáu bảy chục ký nó tụt xuống lần lần tới khô kiệt rồi chết. Thân này sanh, già, bệnh, chết nên vô thường, đổi thay liên tục từng sát-na. Mỗi ngày nào mình trẻ, giờ đầu đã bạc, rồi không biết hôm nào mình sẽ lụm cụm đi không nổi, cuối cùng tắt thở. Như vậy thân chúng ta luôn luôn bị luật vô thường chi phối. Thân ta bị vô thường chi phối, mọi vật trên thế gian này cũng thế, đó là một lẽ thật. Suy gẫm đó để như vậy thì lý vô thường thâm nhập vào tâm trí của mình. Nhờ thế thấy biết đúng như thật, đó là đã có trí tuệ, đã sáng suốt rồi.

Phật nói thân này là bất tịnh, nhơ nhớp. Chúng ta phân tích rõ ràng từng phần, cuối cùng thấy quả là đúng, thân này chỉ là da thịt hôi thối, không có giá trị gì cả. Nhờ thế không quý, không chấp, không ngạo mạn về thân nữa. Mình đẹp cũng không dám chê người xấu. Vì tất cả đều là da thịt hôi thối thì có ai hơn ai.

Nếu chúng ta thấy đúng như vậy thì rất dễ tu. Nhờ Tư tuệ, càng ngày trí tuệ chúng ta càng tăng trưởng. Trí tuệ tăng trưởng thì mê lầm giảm, cho tới không còn nữa là chúng ta được giác ngộ viên mãn. Tu là để phá mê lầm, vì nó là gốc của luân hồi.

Từ Tư tuệ chúng ta bước qua Tu tuệ rất dễ. Như khi biết thân này không ra gì, thì người ta có chề cười, mình không giận. Đó là bớt sân, bớt chấp. Bớt chấp tức là bớt si. Nhờ biết thân này vô thường, nên khi bệnh hoạn hoặc ai làm thương tổn thì mình vẫn bình thản, vì biết thân này còn mất như trò chơi, lo sợ buồn giận làm gì. Đó là tiến tu. Cho nên muốn được Tu tuệ, chúng ta phải Tư tuệ cho chín chắn.

Người không thấm nhuần lời Phật dạy làm sao tu được. Khi đã thấm nhuần rồi thì gặp những chuyện trái tai gai mắt, tự nhiên mình bỏ qua một cách nhẹ nhàng, không có gì khó hết. Vì chúng ta thấy rõ bản chất của các sự vật, bản chất thật của con người vốn không thật, mình không còn mê lầm nữa. Đó là đi tới Tu tuệ. Như vậy, Tam tuệ học giúp chúng ta tiến tu trên con đường giải thoát.

Kế đến là nói sự liên hệ đến Tam vô lậu học. Nhờ tam tuệ mà chúng ta phá được phiền não. Phá được phiền não rồi thì tiến lên tu Ba môn giải thoát. Ba môn giải thoát là Giới, Định, Tuệ. Ba môn giải thoát này sẽ giúp chúng ta ra khỏi nhà tam giới.

Tại sao phải Giới? Bởi vì Phật dạy giới luật là hàng rào ngăn chặn, không cho mình rơi vào tội lỗi. Giới thường được giải nghĩa theo là chữ Hán là *Phòng phi chỉ ác*. *Phòng* là ngừa, *chỉ* chặn đứng. Ngừa những lầm lỗi, chặn đứng những điều tội ác, đó là giới. Nếu muốn tâm an định, thì chặn đứng những tội lỗi. Khi ta phạm sai lầm thì ngổ thiển, hoặc niệm Phật đều cảm thấy ray rứt, không an. Người tu phải giữ giới thì tâm mới yên định. Nên Giới là phương tiện đầu để tiến lên giải thoát.

Giữ giới tâm mới được định, nên nói từ Giới sanh Định. Tâm vọng tưởng là nhân luân hồi sanh tử, nếu tâm này dừng lặng thì nhân luân hồi sanh tử cũng chấm dứt. Tâm vọng tưởng là ý nghiệp, nó chính là gốc tạo nghiệp. Dừng được nó thì nghiệp cũng dừng. Vì vậy muốn thoát ly tam giới thì phải dừng ý nghiệp. Ý nghiệp dừng thì khẩu nghiệp thân nghiệp cũng dừng. Khi ngổ thiển, lặng hết tâm tư, vọng tưởng thì được định. Được định tức là dứt được mầm sanh tử. Vì vậy, ngổ thiển hay niệm Phật là phương tiện đưa chúng ta tới giải thoát sanh tử, chớ không phải việc tầm thường.

Chúng ta tu theo Phật cốt làm sao đi tới chỗ cuối cùng là giác ngộ. Giác ngộ ngay nơi mình có sẵn tánh Phật. Cho nên chặng thứ nhất của người tu là ra khỏi nhà thế tục. Chặng thứ hai là suy gẫm cho thấm sâu đạo lý. Chặng thứ ba là phải tu cho sạch phiền não. Sạch phiền não mà chưa thấy được Tánh giác cũng chưa được. Muốn thấy được Tánh giác phải qua ba chặng khác là Giới, Định và Tuệ.

Văn, Tư, Tu là học Trí hữu sư. Nhờ thầy dạy là Văn, suy gẫm lời thầy lời Phật dạy là Tư, ứng dụng tu là Tu. Ba tuệ học còn trong phạm vi của Trí tuệ hữu sư. Tiến lên chúng ta học Giới để bảo vệ tâm mình không tạo tội lỗi. Từ Giới bước qua Định, tâm lặng xuống, chỗ này không còn cái học hữu sư nữa. Nhờ Định mà phát Tuệ. Trí tuệ này là Trí vô sư. Trí vô sư chính là Căn bản trí, tức trí sẵn ở nơi mình, mà lâu nay chúng ta không biết. Khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, trí này mới hiện ra, chớ không phải tìm kiếm ở đâu xa, cũng không phải nhờ ai đem đến.

Như vậy Bảo sở của chúng ta rất xa mà cũng rất gần. Rất xa vì phiền não còn đầy đầy, rất gần vì nó ở ngay nơi mình, chớ không ở nơi nào khác. Nếu ngay nơi mình, chúng ta tu được Giới, Định, Tuệ thì Phật hiện ra

liên. Cho nên đức Phật từng nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Tất cả chúng ta đều có khả năng thành Phật, chỉ tại mình không chịu làm thôi.

Chúng ta cứ lo chạy theo vô minh phiền não, nên mất quyền làm chủ. Bây giờ gạt vô minh phiền não qua một bên, thì quyền thành Phật nằm sẵn trong tay chúng ta, chớ có đâu xa. Đạo Phật dạy chúng ta tu là một việc làm hết sức thực tế, chớ không phải chuyện viển vông. Tu hết phiền não thì tự nhiên hết khổ. Hết khổ thì được an lạc. Như vậy đạo Phật là ban vui, cứu khổ cho mình cho người. Đạo Phật đưa một con người từ mê lầm trở thành một con người giác ngộ, từ bờ mê lên bến giác. Đó là trọng tâm của đạo Phật.

Tăng Ni là những người đang chèo thuyền, để cứu vớt người dưới biển mê lên bờ giác. Trách nhiệm nặng hay nhẹ? Chúng ta phải là những người tỉnh trước, lên bờ trước mới có thể đưa chúng sanh mê lên bờ giác được. Do đó việc cất chùa, lập Thiền viện là sắm thuyền để độ người, chớ không phải cất chùa, lập Thiền viện để thu tiền, để được vinh dự thế này thế nọ. Phải nhớ mục đích chính của chúng ta là tu để giải thoát sanh tử và giúp chúng sanh cùng được giải thoát như mình. Cho nên mọi việc khác đều là việc phụ, là phương tiện, là thuyền bè để cứu vớt người mê lên bến giác. Đó mới là chỗ chân thật, chỗ cuối cùng chúng ta nhắm đến.

Tôi nhắc nhở bao nhiêu đó cũng đủ để Tăng Ni suy gẫm và biết mình phải làm gì rồi. Mong tất cả cố gắng thực hiện hoài bão lớn lao nhất của đời mình, cố gắng tinh tấn tu hành, đừng để chí nguyện thì cao tốt mây xanh, mà hành trì thì là đà dưới đất. Như vậy chẳng những thiên hạ chê cười mà bản thân chúng ta sẽ chuốc lấy đau khổ nhiều hơn nữa. Ý thức rõ được bốn phận của mình, nỗ lực không thối chuyển, tôi tin chắc Tăng Ni sẽ đạt được mục đích cứu kính của mình là giác ngộ viên mãn.

